

TIẾP BIẾN VĂN HÓA VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN LÝ THUYẾT HỆ THỐNG

NGUYỄN THỪA HỮY *

Tóm tắt: Bài viết phân tích tiếp biến văn hóa trong hội nhập quốc tế dưới góc nhìn lý thuyết hệ thống. Đó chính là những mối liên hệ tương tác thuận/nghịch của một chỉnh thể, tác động lên những thành tố nằm trong hệ thống đó. Qua đó, tác giả đề xuất tiếp cận tiếp biến và hội nhập văn hóa trong tư duy phức hợp đa chiều thay thế cho tư duy sơ lược đơn giản hóa.

Từ khóa: Văn hóa; văn hóa Việt Nam; tiếp biến văn hóa; hội nhập văn hóa; lý thuyết hệ thống.

1. Đặt vấn đề

“Tiếp biến văn hóa” là một khái niệm, một thuật ngữ khoa học thời thượng, nhưng không mới. Theo những từ điển từ nguyên học, thuật ngữ này đã được các nhà dân tộc học phương Tây sử dụng đầu tiên vào khoảng năm 1880. Trong vài thập kỷ qua, đã có hàng trăm công trình được xuất bản đề cập đến tiếp biến văn hóa, với cũng chừng ấy những định nghĩa khác nhau, được bổ sung và mở rộng, nhưng không loại trừ nhau.

Hai nội dung cơ bản của khái niệm này là: “tiếp xúc” và “biến đổi” về văn hóa. Nhưng cách hiểu khác nhau là ở chỗ: biến đổi như thế nào và nhất là những đối tượng tiếp xúc văn hóa ở đây là những đối tượng nào? Lúc đầu, những chủ thể thường được xét đến ở tầng vĩ mô: hai (hoặc nhiều) khu vực, quốc gia. Dần dần, những chủ thể đó được mở rộng đến tầng vi mô, như vùng miền, cộng đồng, nhóm người rồi đến cấp độ từng cá nhân.

“Tiếp biến văn hóa là một quá trình biến đổi kép về văn hóa và tâm lý xảy ra do kết quả của sự tiếp xúc giữa hai hoặc nhiều nhóm văn hóa và những cá nhân thành viên của những nhóm văn hóa đó”⁽¹⁾.

Nhưng những “nhóm văn hóa” đó trên thực tế đã không tồn tại biệt lập, mà đều là những thành tố của những hệ thống thuộc nhiều cấp độ. Vì vậy, trong bài viết này, người viết muốn xét đến Tiếp biến văn hóa dưới góc nhìn của lý thuyết hệ thống, được xác định trong một không gian cụ thể: Việt Nam.

Lý thuyết hệ thống, mà tiền thân là lý thuyết cấu trúc, nếu đi sâu nghiên cứu sẽ là rất phức tạp, nhưng về đại thể lại khá đơn giản. Những từ khóa cơ bản của lý thuyết này là: *Hệ thống* (với nhiều cấp độ tồn tại khác nhau), *Thành tố* (cơ bản

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) *International Journal of intercultural relation*, N° 29 (2005).

và thứ cấp), *Liên hệ tương tác* (theo chiều thuận và nghịch). Tất cả mọi đối tượng đều là những thành tố của một hệ thống tổng thể và là những động tử vận hành trong những mối liên hệ tương tác. Bản thân mỗi thành tố đến lượt nó, lại là một tiểu hệ thống với cấu trúc đồng dạng. Và bản thân hệ thống được xét cũng lại là một thành tố của một đại hệ thống lớn hơn. Hệ thống hiện đại là một cấu trúc mở và động, có khả năng tự duy trì, trong đó những thành tố và liên hệ đều có thể thay đổi vị trí và chuyển hóa tác động.

Xét từ góc nhìn của lý thuyết hệ thống, có thể định nghĩa Tiếp biến văn hóa là tác động của những mối liên hệ hỗ tương diễn ra trong những hệ thống cấu trúc văn hóa vĩ mô và vi mô, cùng những kết quả đem lại cho những thành tố bởi những tác động ấy.

2. Tiếp biến văn hóa Việt Nam trong hệ thống toàn cầu

Trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay, thế giới chính là một hệ thống vận động. Các khu vực và những quốc gia lớn là những thành tố. Mỗi một thành tố lại là một tiểu hệ thống bao gồm một số quốc gia. Mỗi quốc gia phần tử có cấu trúc riêng của nó, có quỹ đạo tự quay riêng của nó, nhưng cũng định vị trên một quỹ đạo vận động chung của hệ thống, bị ràng buộc và chịu ảnh hưởng lẫn nhau qua những mối liên hệ tương tác về vị thế và vận tốc phát triển. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa tính độc lập và tính

tùy thuộc, liên lập trên bình diện quốc tế. Tiếp biến văn hóa là những liên hệ tương tác trong một “văn hóa quyền” toàn cầu giữa các quốc gia lớn, nhỏ, mạnh, yếu khác nhau qua quá trình hội nhập liên đới, tùy thuộc, trên cơ sở bảo tồn bản sắc văn hóa độc lập, đặc thù của dân tộc mình. Tiếp biến văn hóa do vậy đã tạo nên những xung lực và cản lực theo chiều thuận nghịch, ảnh hưởng đến vị thế và vận tốc phát triển của từng quốc gia thành tố.

Trong hệ thống thế giới, Việt Nam là một trong những quốc gia thành tố chính yếu của tiểu hệ thống Đông Nam Á. Nhưng Việt Nam không thể so sánh được với các quốc gia thành tố lớn mạnh hơn nhiều về thực lực và tiềm năng như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản hay các quốc gia hàng đầu Châu Âu. Trên thực tế, trong tiếp biến văn hóa, Việt Nam là một nhân tố chịu tác động, nhiều hơn là một nhân tố gây tác động.

Chúng ta giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong tư thế độc lập, đó là sự thể hiện quyền tự quyết trong việc chọn lựa quỹ đạo tự quay riêng cho mình. Đó cũng là khả năng đề kháng chống lại khả năng bị cuốn hút dẫn đến bị thôn tính bởi các thành tố lớn mạnh, nhất là của quốc gia khổng lồ bên cạnh chúng ta. Nhưng về phương diện liên lập, chúng ta phải hòa nhập vào quỹ đạo vận hành chung của tiểu hệ thống (khu vực) và của cả hệ thống (thế giới). Đây là những hệ thống theo khu vực và trình độ phát

triển, chứ không còn là những hệ thống theo chế độ chính trị hay ý thức hệ. Một cách hành xử khôn ngoan là tranh thủ tối đa những liên hệ thuận để biến thành trợ lực, hạn chế tối đa những liên hệ nghịch tạo thành cản lực. Tất nhiên, trong chuyển động vòng quay, các động tử không thể đồng đều về vận tốc. Nhưng nếu khoảng cách quá lớn, chúng ta có thể bị bỏ lại đằng sau, lâm vào nguy cơ tụt hậu, thậm chí bị văng ra khỏi quỹ đạo.

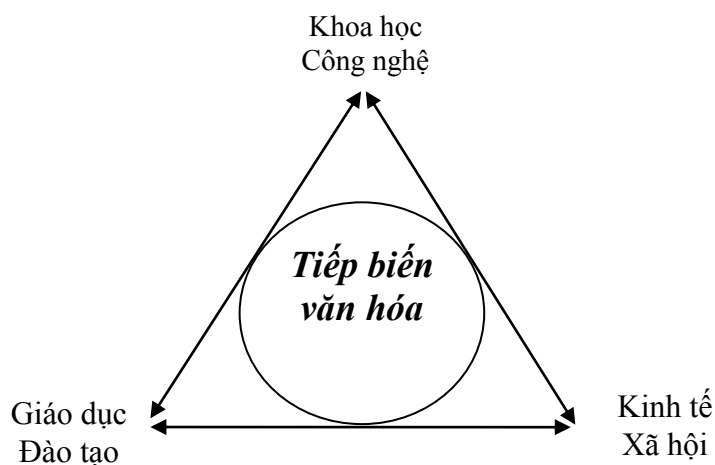
Như thế có nghĩa là, đã đến lúc chúng ta cần hội nhập sâu rộng vào hệ thống quốc tế, đẩy mạnh hội nhập văn hóa quốc tế. Để phát triển bền vững và đúng hướng, chúng ta cần tích cực tham gia vào “dàn hòa tấu của nhân loại” như cách đây một thế kỷ rưỡi Nguyễn Trường Tộ đã từng nói, hòa mình vào bầu “văn hóa quyền” chung toàn cầu. Muốn vậy, chúng ta cần loại bỏ những rào cản mặc cảm về chế độ chính trị, về ý thức hệ, nhấn quá mạnh đến tính đặc thù dân tộc để phủ nhận tính phổ quát của văn hóa, đoạn tuyệt với nếp nghĩ chỉ khur khur muốn một mình một chợ hoặc vài ba người lập thành một phe. Thái độ do dự, chờ thời cũng gây ra nhiều hệ quả tiêu cực. Thế giới không chờ đợi chúng ta. Trong cuộc bơi ngược dòng, không tiến, ắt sẽ bị đẩy lui.

Tiếp biến văn hóa, cũng như các mối liên hệ tương tác vận hành trong hệ thống, thường là hai chiều qua lại. Một

khi đã hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, chúng ta sẽ có điều kiện để vươn ra toàn cầu, đóng góp quốc tế nhiều hơn, thông qua những hoạt động công bố quốc tế những thành tựu nghiên cứu khoa học (tự nhiên và xã hội), chuyển giao công nghệ, đầu tư, hợp tác với các nhà khoa học, học giả, chuyên gia quốc tế và chuyên gia người Việt hoặc người gốc Việt ở nước ngoài, cả về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội... Sự vươn ra thế giới cũng như những đóng góp quốc tế hiện nay còn yếu, có thể nói là rất yếu, cũng có một nguyên nhân là chúng ta còn e ngại rụt rè, mặc cảm và nghi kỵ khi hợp tác hoặc đứng chung trong hàng ngũ với những người mà chúng ta còn cho là “khác với chúng ta”, không nghĩ như chúng ta, không cùng ý thức hệ với chúng ta và do đó chưa đủ mức độ tin cậy, thậm chí cần cảnh giác.

3. Tiếp biến văn hóa Việt Nam trong hệ thống quốc gia

Trên bình diện quốc gia, sự phát triển bền vững của Việt Nam ngày nay dựa vào thế chân kiềng của ba lĩnh vực chủ yếu: khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và sự phát triển kinh tế - xã hội. Giữa 3 lĩnh vực đó, có những mối liên hệ tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau. Về mặt học thuật, đó là hiện tượng xâm thực vượt biên giới mang tính liên/xuyên ngành. Những liên hệ tương tác đó được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:



3.1. Quan hệ giữa Khoa học - Công nghệ và Giáo dục - Đào tạo

Trên lý thuyết, giữa khoa học (tự nhiên và xã hội) - công nghệ và giáo dục - đào tạo vốn có mối liên hệ khăng khít với nhau. Đó là những người anh em song sinh. Khoa học đi trước mở đường, đặt nền tảng và là kho dự trữ tri thức của giáo dục - đào tạo. Giáo dục đi sau kiến thiết, chưng cất những tinh túy của khoa học, diễn chế hóa thành những quy phạm ổn định, truyền tải tri thức vào trong xã hội và đào tạo ra nguồn tài nguyên nhân lực có chất lượng cao phục vụ trở lại cho sự phát triển của khoa học công nghệ.

Tuy nhiên, do quán tính của định kiến, rào cản của ý thức hệ và tính xơ cứng của thể chế, trong nhiều nước trên thế giới ngày nay đã tồn tại một độ vênh, một hiện tượng bất cập đáng kể, một hố ngăn cách lớn giữa 2 lĩnh vực văn hóa đó. Những thành tựu tiên tiến mới nhất của khoa học hiện đại đã

không được đưa vào giảng dạy, ứng dụng kịp thời trong giáo dục.

Cách đây hơn một thế kỷ, “*Văn minh tân học sách*” (1904) của nhóm Đông Kinh Nghĩa thực đã bắt mạch chỉ ra đúng cái nguyên nhân chính của căn bệnh dị ứng với tri thức mới, một “điều mà ta trái với người về giáo dục” qua lời khuyên của một vị quan đối với các nho sinh: “Các thầy nếu muốn ra làm quan thì phải cẩn thận, chớ có đọc sách mới, chớ có xem báo mới”.

Trong khi đó, ngược lại, trong nền giáo dục sư phạm vẫn còn tồn tại nhiều tri thức về tự nhiên và xã hội đã tỏ ra lạc hậu, giáo điều, không còn phù hợp với thực tiễn cuộc sống, trở nên vô bổ thậm chí có hại, những món hàng tồn kho cần thanh lý. Nói theo ngôn ngữ thời thượng, cùng với quyền được tiếp cận, cập nhật thông tin, đã đến lúc chúng ta cũng phải có “quyền được quên đi” những cái đáng quên.

Ý thức được sự bất cập và để sửa

chữa khiếm khuyết đó, một ngành khoa học mới thể hiện sự tiếp biến xâm thực đã ra đời và được đẩy mạnh trong khoảng hơn nửa thế kỷ nay. Đó là ngành “Giáo dục Khoa học và Công nghệ”. Năm 2007, được sự khuyến khích của Tổ chức Giáo dục, khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), một hội nghị quốc tế gồm hơn 1.000 nhà giáo dục từ 50 quốc gia trên thế giới đã họp tại Perth (Australia) và thông qua bản “Tuyên ngôn Perth 2007 về Giáo dục, Khoa học và Công nghệ”. Tuyên ngôn kêu gọi đẩy mạnh việc cập nhật hóa giáo dục Khoa học và Công nghệ trong và ngoài nhà trường, khuyến nghị các nhà cầm quyền các nước hoạch định các chính sách cải cách giáo dục, xét duyệt và hiện đại hóa các chương trình giảng dạy và “cam kết bảo đảm rằng các học sinh sinh viên phải được *thoát mù* về khoa học công nghệ để có thể đóng góp vào những mục tiêu mang tính bền vững, có trách nhiệm và toàn cầu trong từng quốc gia của họ”.

3.2. Quan hệ giữa Khoa học - Công nghệ và Phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp biến văn hóa thông qua những liên hệ tương tác giữa khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội ở quy mô toàn cầu cũng như trong từng quốc gia đã được chứng minh, khẳng định trong lịch sử thế giới. Nguyên nhân sâu xa của lịch trình tiến hóa văn minh nhân loại chính là nhờ vào sự tiến bộ của kỹ thuật, khoa học - công nghệ. Sự thay đổi

điều kỳ của bộ mặt thế giới trong lịch sử cận hiện đại chính là hệ quả của 3 cuộc cách mạng công nghiệp, khoa học - công nghệ từ thế kỷ XVII trở lại đây. Ngày nay, những quốc gia có tiềm năng lớn nhất về khoa học công nghệ cũng là những cường quốc phát triển nhất về kinh tế - xã hội. Ngược lại, sự phát triển về kinh tế - xã hội đã đem lại những động lực thúc đẩy mạnh mẽ đối với khoa học công nghệ cả về phương diện kỹ thuật, vốn và nguồn nhân lực.

Trong phạm vi khu vực và toàn cầu, tiếp biến văn hóa qua mối quan hệ giữa khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội thể hiện ra ở sự chuyển giao công nghệ, nhất là đối với những quốc gia có khoảng cách lớn về trình độ phát triển. Tuy nhiên, chúng ta cần quan niệm rằng sự chuyển giao công nghệ đó không chỉ ở mặt kỹ thuật mà còn ở mặt quản lý, không chỉ ở mặt quản lý kinh tế mà còn ở mặt quản lý xã hội và văn hóa.

Như vậy, từ sự tiếp biến văn hóa thông qua mối quan hệ giữa khoa học - công nghệ và sự phát triển kinh tế - xã hội, kết luận rút ra là: sự đổi mới cần triệt để, toàn diện và đồng bộ ở các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và chính trị, sao cho phù hợp với trình độ hiện đại của khoa học (tự nhiên và xã hội) - công nghệ hiện đại toàn cầu. Muốn vậy, cần xúc tiến quyền tự do học thuật tự do nghiên cứu sáng tạo gắn liền với ý thức trách nhiệm, như Tuyên bố Paris 2009 của UNESCO.

Ở trong nước, “Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011-2020” của Chính phủ cũng khẳng định: “Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu sáng tạo của tri thức khoa học và công nghệ vì sự phát triển của đất nước”.

Vector chuyển giao công nghệ cũng nên chọn phương từ những quốc gia hiện đại nhất trong những khu vực hiện đại nhất, đồng thời cần cảnh giác để từ chối việc du nhập những khoa học công nghệ cũ kỹ, bắt cập và đã lỗi thời, lạc hậu. Sự lựa chọn những biện pháp riêng để hội nhập của quốc gia chỉ là về cách thức, mà không phải là về quan điểm.

3.3. Quan hệ giữa Giáo dục - Đào tạo và Phát triển kinh tế - xã hội

Như được ghi trong Nghị quyết Trung ương 8/2013 của Đảng Cộng sản Việt Nam, giáo dục đào tạo trong mỗi liên hệ tương tác với phát triển kinh tế xã hội đã có một vai trò to lớn trong việc “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài”. Ngược lại, phát triển kinh tế - xã hội sẽ nâng cao tiềm năng và tạo điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần cho công tác giáo dục đào tạo. Tiếp biến văn hóa và đổi mới giáo dục sẽ giúp việc “chuyển mạnh giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học... Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và

đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước... từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới”.

Tuy nhiên, những vấn đề cơ bản cần làm sáng tỏ ở đây là: mục tiêu của giáo dục phục vụ cho ai, cho chủ thể nào? Cho chính bản thân những con người - chủ thể, độc lập, biết nhìn nhận bằng chính đôi mắt của mình và phán đoán bằng chính cái đầu của mình, hay là những con người - công cụ phương tiện mang tính chất thừa hành, chỉ cần suy nghĩ theo một khuôn mẫu đã có sẵn và làm theo một quyền uy che chở và sai bảo? Từ đó suy ra, phương châm giáo dục đào tạo nên chọn sẽ là một hệ hình thiết kế đa nhân tố giúp người học tự hoàn thiện nhân cách phẩm giá, và vốn tri thức kỹ năng, có trách nhiệm xã hội hay một hệ hình chỉ huy, tăng cường tính “định hướng và lãnh đạo” nhằm đào tạo ra một hệ thống các quan chức và thuộc lại đắc lực? Và tiếp cận đến trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới cụ thể là thế nào? Có kể đến ngành khoa học xã hội nhân văn hay không và nếu có thì trong lĩnh vực này, lấy tiêu chí gì để xác nhận là mang tính chất “tiên tiến”?

Ngay từ một thế kỷ rưỡi trước đây, nhà giáo dục nổi tiếng người Nhật Bản Fukuzawa Yukichi đã có lý khi nói rằng: “Muốn xây dựng một quốc gia độc lập, trước hết cần xây dựng những con người độc lập”. Con người nào thể chế

ấy và ngược lại. Cũng vậy, chất lượng giáo dục đào tạo thế nào thì sẽ đem lại chất lượng phát triển kinh tế - xã hội tương ứng và ngược lại.

Tóm lại, trong hệ thống quốc gia, tiếp biến văn hóa chính là những mối liên hệ tương tác giữa 3 thành tố: Khoa học - Công nghệ, Giáo dục - Đào tạo và Phát triển kinh tế - xã hội, tạo thành một thể chân kiềng gắn kết vững chắc. Một sự thiết kế khôn ngoan là cần nghiên cứu xác định để tăng cường những liên hệ thuận, hạn chế tối đa những liên hệ nghịch.

4. Tiếp biến văn hóa Việt Nam trong nội tại hệ thống lĩnh vực

Ở tầng cơ sở vi mô, mỗi lĩnh vực thành tố, đến lượt mình cũng lại là một hệ thống cấu trúc. Một sự phát triển bền vững và nhân bản cần đến những yếu tố cân đối, hài hòa. Mặt khác, sự tiếp biến văn hóa nội tại sẽ thúc đẩy quá trình vượt biên giới giữa các ngành học thuật theo cách tiếp cận liên - xuyên ngành, cho ra đời những ngành khoa khọc mới mang tính tổng hợp trung gian. Tuy nhiên, nhìn chung, hiện nay ở Việt Nam, sự tiếp biến nội tại giữa các lĩnh vực văn hóa, khoa học còn ở mức độ khá khiêm tốn.

Trong khoa học và công nghệ, như trên đã nói, đã xảy ra tình trạng mất cân đối giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Sự trì trệ về khoa học xã hội ở Việt Nam ngày nay phải chăng là do rào cản về ý thức hệ và định kiến, tàn dư của hệ tư tưởng độc tôn Nho giáo ngày xưa? Dưới thời Lê - Nguyễn, Phạm Đình

Hồ đã từng phê phán trong *Vũ trung Tùy bút* những vị “hủ Nho” là chỉ biết “nhai văn hoa hòe, nhá chữ bã mía”. Phan Chu Trinh thì đã kích cả các phần tử “hủ Nho” cũng như “hủ Tây”. Và ngày nay thì còn họ hàng nhà Hủ gì nữa?

Cũng có sự mất cân đối trong khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng. Có lẽ thành tựu xuất sắc nhất về khoa học công nghệ của chúng ta chủ yếu vẫn đi theo hướng “mô phỏng” có tính chất truyền thống, chưa vượt khỏi khâu “gia công, lắp ráp những mẫu mã theo công nghệ đời mới nhất”, mà thiếu những công trình nghiên cứu ứng dụng độc lập, nghiêm túc sáng tạo có tầm cỡ. Sự tiếp biến văn và hội nhập quốc tế về văn hóa vẫn ở mức yếu kém, đặc biệt là chỉ số đóng góp chung cho nhân loại. Báo cáo điều tra của tổ chức tư vấn độc lập Goodcountry năm 2014 cho biết, về phương diện này, Việt Nam xếp thứ 124 trong 125 quốc gia, ở thang bậc áp chót, trong đó khoa học và công nghệ (89/125) và văn hóa (76/125) đều bị đánh giá với thứ hạng dưới trung bình.

Về giáo dục và đào tạo, ngoài những khiếm khuyết về mục tiêu và phương châm như đã nói bên trên, còn nhiều mặt mất cân đối bất cập khác. Giáo dục phát triển về số lượng, nhưng do những tệ đoan trầm kha về bệnh thành tích, hình thức, không trung thực, nên chất lượng còn thấp. Sản phẩm đào tạo ra là một nguồn nhân lực chất lượng chưa cao. Người được đào tạo còn lúng túng trong những công việc ứng phó tình huống và

sáng tạo độc lập, chưa thực sự biết “hành” những điều đã “học”. Kết quả dẫn đến những dịch bệnh tâm lý xã hội khó chữa như ý thức đi học để làm quan, nếp nghĩ vụ bằng cấp, nạn thừa thầy thiếu thợ...

Chúng ta vẫn đang nói nhiều đến một sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nhưng bền vững làm sao được khi tâm lý vụ lợi thực dụng trước mắt lấn át đi một tầm nhìn chiến lược toàn diện và dài hạn. Một thời chúng ta đã đánh đồng giữa tăng trưởng và phát triển. Ngày nay, chúng ta vẫn đang chạy theo một sự phát triển “vì con số”, chứ chưa phải một sự phát triển “vì con người”, một sự phát triển khắp khiêng, mất cân đối hài hòa giữa những chiều kích kinh tế - kỹ thuật và những chiều kích văn hóa - nhân văn.

Về mặt xã hội, hố ngăn cách bất bình đẳng trong sự phân tầng xã hội ngày càng tiến đến làn ranh báo động đỏ, và cũng là một sự “tiếp biến văn hóa” nghịch cảnh, đã lan rộng ra quy mô toàn cầu. Từ những nước tư bản chủ nghĩa, sự bất bình đẳng xã hội gay gắt đã lan tỏa đến các nước “xã hội chủ nghĩa kiểu mới” như Trung Quốc và Việt Nam.

5. Kết luận

Ngày nay, chúng ta nên quan niệm hiện tượng tiếp biến văn hóa trong hội nhập quốc tế dưới góc nhìn lý thuyết hệ thống, như những mối liên hệ tương tác thuận/nghịch của một chỉnh thể, tác động lên những thành tố nằm trong hệ thống đó. Từ đó, chúng ta cần tiến tới

một tư duy phức hợp đa chiều thay thế cho tư duy sơ lược đơn giản hóa, cũng như cần có một tinh thần thực chứng khoa học, từ bỏ chủ nghĩa duy ý chí và duy ý thức hệ. Mặt khác, với sự thiết kế khoa học, chúng ta cần nghiên cứu để chủ động vận hành và điều chỉnh những mối liên hệ tương tác đó trong quá trình tiếp biến văn hóa ở các cấp độ.

Trước mắt, có thể Nhà nước nên kết hợp với giới học thuật trong và ngoài nước, hợp tác tích cực với các lực lượng quốc tế để tạo ra một kho lưu trữ dữ liệu, một phòng thí nghiệm và xử lý các ý tưởng, nhằm đề ra được một chiến lược và những chính sách hợp lý và hiệu quả nhất trong sự nghiệp phát triển bền vững, nhân văn và đổi mới toàn diện, triệt để đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt *Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011 - 2020*.
2. Fukuzawa Yukichi (2007), *Khuyến học*, Nxb Thế giới & Nhã Nam, Hà Nội (Bản dịch Phạm Hữu Lợi).
3. Herskovits (MJ) (1938), *Acculturation - The study of culture contact*, Augustin Publisher, New York.
4. Jean-Louis Le Moigne (1977), *La Théorie du Système général*, PUF, Paris.
5. *Perth Declaration on Science and Technology 2007*.
6. Thomas Piketty (2014), *Capital in the 21st century*, Havard University Press.

